



RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 1

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Nguyen Huynh Ngoc Anh	9.8	8.1	9.6	8.6	9.6				8.7	8.0		8.9	B
2	Truong Cam Dao	9.8	8.7	9.5	8.4	8.7				8.7	8.4		8.9	B
3	Duong Gia Dong	9.5	7.4	8.4	7.2	7.8				7.5	7.9		8.0	B
4	Vy Thanh Hang	9.5	8.8	9.9	8.8	9.5				9.4	9.1		9.3	A
5	Tran Hien Hong	10.0	9.6	9.9	9.8	9.9				9.0	9.7		9.7	A
6	Trinh Ngoc Sao Khue	9.5	7.2	7.2	7.4	8.6				7.3	8.1		7.9	C
7	Ta Minh Ky	9.8	9.3	9.7	9.0	10.0				8.5	9.5		9.4	A
8	Hoang Tue Man	10.0	8.8	9.9	9.5	10.0				9.0	9.4		9.5	A
9	Thieu Quoc Manh	9.2	6.1	7.9	6.8	6.7				5.6	8.1		7.2	C
10	Nguyen Chau Phuong Ngan	9.5	9.2	9.6	8.6	9.8				7.5	8.7		9.0	A
11	Trinh Hong Ngoc	9.2	5.8	7.0	7.5	7.6				6.8	7.9		7.4	C
12	Van Huu Phuc	9.2	6.9	9.1	7.7	8.9				7.9	8.6		8.3	B
13	Quang Thien Quyen	9.2	5.8	7.0	6.1	7.5				4.3	6.8		6.7	C
14	Le Nguyen Anh Tai	10.0	9.6	9.7	9.4	9.9				7.9	9.4		9.4	A
15	Nguyen Do Tuyet Thanh	9.8	7.6	8.8	8.3	9.8				9.1	8.6		8.9	B
16	Le Kim Dien Thao	9.0	5.6	7.7	7.0	7.6				6.4	7.7		7.3	C
17	Le Dinh Thuyen	9.4	9.1	8.5	7.9	7.2				8.5	9.3		8.6	B
18	Nguyen Mai Tram	9.5	7.9	8.9	8.1	8.8				8.0	8.9		8.6	B
19	Tra Minh Tri	9.5	7.9	9.1	8.3	8.0				7.1	9.2		8.4	B
20	Dam Dinh Minh Tri	9.4	8.1	8.0	7.1	7.6				7.5	9.1		8.1	B
21	Tran Thai Nhu Y	9.4	5.4	7.1	6.1	6.5				4.3	7.6		6.6	C

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Vu Thi Hanh

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung

**RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020****Class: Elementary 2**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Ngô Thụy Bảo Anh	8.5	7.4	7.1	6.1	8.8				5.2	7.9		7.3	C
2	Đỗ Nguyễn Hoàng Anh	8.8	6.0	7.3	6.4	7.0				5.8	6.4		6.8	C
3	Phạm Xuân Quang Anh	9.3	7.6	7.6	7.1	7.3				6.4	7.6		7.6	C
4	Đỗ Trần Quỳnh Chi	8.9	8.8	8.9	9.0	9.9				8.6	9.5		9.1	A
5	Nguyễn Thái Dũng	9.4	9.1	9.3	8.6	9.0				6.4	9.6		8.8	B
6	Vũ Kim Huy Hoàng	8.6	6.8	8.6	6.5	7.7				6.3	7.1		7.4	C
7	Nguyễn Huy Hưng	9.2	8.3	9.3	7.6	8.7				7.3	7.8		8.3	B
8	Đang Quang Huy	7.4	3.3	4.6	4.6	6.8				2.6	6.9		5.2	D
9	Nguyễn Đình Quốc Huy	9.2	8.9	9.7	9.4	9.5				8.6	9.5		9.3	A
10	Nguyễn Quốc Huy	8.8	7.2	7.3	6.4	8.5				4.4	7.2		7.1	C
11	Trương Bình Minh	9.1	5.0	6.1	6.5	8.6				5.9	7.8		7.0	C
12	Đỗ Minh Nguyệt	9.1	8.2	9.4	9.1	9.7				9.1	9.4		9.1	A
13	Đương Tam Nhu	8.9	6.0	5.9	6.0	7.0				3.9	6.9		6.4	D
14	Võ Mạc Thúc Quan	9.4	8.1	7.8	7.4	8.9				7.7	8.8		8.3	B
15	Nguyễn Chi Thành	9.3	8.2	9.1	8.7	9.7				8.8	8.3		8.9	B
16	Huỳnh Lâm Minh Thành	9.3	8.6	9.4	8.5	9.2				8.2	9.2		8.9	B
17	Trần Cao Trí	9.8	8.1	8.5	7.9	8.9				7.4	9.1		8.5	B
18	Ngô Gia Tường	9.4	7.5	7.8	6.8	8.7				5.5	8.6		7.8	C
19	Nguyễn Phú Vinh	8.9	6.9	8.1	8.1	8.9				6.5	8.4		8.0	B
20	Trần Ngọc Minh Xuân	9.2	6.9	8.6	8.0	8.8				7.3	7.2		8.0	B
21	Võ Văn Phương Yến	9.6	8.6	9.2	7.7	9.3				4.9	8.7		8.3	B

Class Teacher

Trần Thị Tranh

IP. Manager

Nguyễn Ngọc Tiên

Checked by

Nguyễn Thị Hồng Dung



RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 3

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Nghiem Phuong Anh	9.7	7.1	9.5	8.6	8.6				7.9	8.4		8.5	B
2	Vu Quynh Chi	9.1	5.4	8.9	6.8	6.7				4.5	7.8		7.0	C
3	Do Khac Gia Dat	9.3	5.1	6.4	5.7	7.0				5.4	6.3		6.5	C
4	Hoang The Khang	9.3	7.1	7.7	7.2	8.0				5.8	6.1		7.3	C
5	Le Dang Khoa	9.0	4.6	5.9	5.7	6.7				4.3	5.8		6.0	D
6	Ai Phuc Canh Khoi	9.3	5.4	8.4	7.2	8.5				7.2	7.4		7.6	C
7	Huynh Boi Man	8.9	5.5	6.8	6.6	8.6				6.1	7.1		7.1	C
8	Lam Quang Minh	9.3	6.4	8.2	7.2	8.6				7.3	8.6		7.9	C
9	Tien Tuan Minh	9.1	8.1	8.9	8.1	9.1				5.7	8.1		8.2	B
10	Hy Duong Vu Noi	9.2	8.8	8.5	7.2	8.1				7.6	8.2		8.2	B
11	Tran Hong Phat	8.7	6.5	8.2	6.6	7.9				6.4	7.1		7.3	C
12	Ngo Tran Minh Sang	9.2	8.6	9.1	7.9	8.4				6.1	9.4		8.4	B
13	Diep Quoc Thai	9.3	6.8	9.3	8.7	9.0				8.0	9.0		8.6	B
14	Nguyen Lam Minh Thu	8.8	4.8	7.4	7.2	6.6				6.9	7.0		7.0	C
15	Tran Hoang Tien	9.4	7.3	9.0	8.2	8.7				5.9	8.6		8.2	B
16	Vu Thi Bich Tram	9.2	6.6	9.1	7.5	9.0				7.0	7.3		8.0	B
17	Nguyen Le Khanh Tram	8.6	5.6	7.0	6.2	9.0				5.8	6.6		7.0	C
18	Lam Thuy Tuong Vy	9.4	8.8	9.7	7.9	9.0				4.8	9.0		8.4	B
19	Tran Ngoc Khanh Vy	8.6	4.7	6.6	6.8	6.8				6.1	5.7		6.5	C
20	Tran Tuong Vy	9.3	6.3	9.1	7.5	8.9				7.3	8.1		8.1	B

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Ngoc Lan

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 4

Table with 14 columns: No., Name, Speaking, Listening, Grammar, Reading & Writing, Biology, Geography, Physics, Chemistry, Mathematics, History, Literature, GPA, Ranking. It lists 20 students and their scores in various subjects.

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

H'Suyn Nie

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 5

Table with 14 columns: No., Name, Speaking, Listening, Grammar, Reading & Writing, Biology, Geography, Physics, Chemistry, Mathematics, History, Literature, GPA, Ranking. It lists 21 students and their scores across various subjects.

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Dong Thi Le Quyen

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 6

Table with 14 columns: No., Name, Speaking, Listening, Grammar, Reading & Writing, Biology, Geography, Physics, Chemistry, Mathematics, History, Literature, GPA, Ranking. It lists 21 students and their scores across various subjects.

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Min

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 7

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Le Nguyen Minh Anh	9.4	9.4	10.0	9.3	9.5				10.0	10.0		9.6	A
2	Le Nguyen Hong Chau	9.1	9.2	9.8	9.2	9.5				8.6	10.0		9.4	B
3	Do Nguyen Minh Dat	9.0	9.1	9.6	8.0	9.3				9.7	9.5		9.2	B
4	Tran Huu Duc	8.2	6.1	9.1	8.5	9.5				8.3	9.5		8.5	B
5	Nguyen Tran Bao Khang	7.3	7.5	9.5	7.8	8.8				7.6	8.5		8	B
6	Nguyen Ngoc K'Mi	8.8	6.5	9.2	8.6	9.0				7.4	10.0		8.4	A
7	Ho Dang Khanh Linh	8.8	7.7	9.3	8.5	8.9				9.0	9.0		8.6	C
8	Dang Doan Minh Long	10.0	9.0	9.7	9.2	8.5				8.1	9.0		9.2	B
9	Weng Hoa Nam	8.4	6.8	9.3	7.8	8.6				7.2	8.0		7.9	C
10	Nguyen Diep Thao Ngan	8.2	8.1	9.5	8.9	9.3				9.6	8.5		8.9	A
11	Huynh Kim Ngoc	9.0	6.7	8.6	8.0	8.4				6.6	8.5		7.8	C
12	Nguyen Khanh Ngoc	9.3	9.4	9.9	8.4	9.5				8.9	9.0		9.2	A
13	Nguyen Vi Nguyen	7.0	4.3	7.5	6.1	7.2				7.0	7.0		6.6	C
14	Lam Khanh Quan	9.1	8.5	9.9	9.6	9.5				9.4	9.0		9.3	C
15	Phan Ngoc Lan Thanh	9.0	6.6	8.7	7.4	8.3				6.8	9.0		7.8	B
16	Le Mac Quang Tien	8.8	7.2	8.2	6.6	8.3				4.8	6.5		7.2	C
17	Nguyen Linh Trang	9.2	6.3	9.5	8.4	9.1				7.1	9.0		8.4	D
18	Bui Xuan Trong	7.1	6.1	7.6	6.9	7.9				7.7	9.5		7.3	D
19	Nguyen Quoc Trung	8.2	4.9	6.0	5.6	7.1				3.8	6.0		6	D
20	Pham Minh Van	8.1	5.0	5.4	5.5	8.0				4.6	7.3		6.3	D
21	Phan Thanh Nha Van	6.9	4.1	7.1	5.7	6.2				7.4	5.0		6.2	D

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Bien Thi Loan

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020**

Class: Elementary 8

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Nguyen Lam Hue An	9.9	9.0	9.8	9.1	9.5				9.5	9.0		9.4	A
2	Hoang Hai Anh	9.3	6.7	8.3	6.7	9.5				8.5	7.6		8.1	B
3	Vo Thuy Lan Anh	9.4	7.7	8.7	7.1	7.2				7.8	7.0		7.8	C
4	Nguyen Huynh Quoc Bao	8.9	6.5	8.9	7.4	8.7				7.9	8.3		8.1	B
5	Quach Khai Danh	8.8	6.6	7.0	6.3	9.8				7.1	6.5		7.4	C
6	Lam Soi Hoan	9.4	8.0	9.5	8.3	9.4				9.3	9.2		9	A
7	Tran Quang Gia Huy	9.9	9.0	8.9	8.7	9.7				8.5	9.5		9.2	A
8	Quach Vy Khang	9.9	8.8	9.5	8.8	9.6				7.5	8.4		8.9	B
9	Phan Hai Lam	9.3	7.6	7.7	8.4	9.3				8.9	8.3		8.5	B
10	Nguyen Khanh Linh	9.3	8.5	9.1	8.9	9.6				8.4	9.4		9	A
11	Ngu Kiet Luan	9.6	8.2	8.6	8.4	8.9				6.2	9.0		8.4	B
12	Nguyen Mai Ngan	9.4	7.8	7.4	7.8	8.5				7.3	7.1		7.9	C
13	Pham Hoang Thu Ngan	10.0	9.3	9.6	9.2	9.7				8.3	8.5		9.2	A
14	To Uyen Nghi	8.8	5.8	7.3	6.2	9.0				6.7	6.8		7.2	C
15	Huynh Minh Phat	9.3	7.8	8.5	7.8	8.9				7.7	9.0		8.4	B
16	Pho Nha San	9.3	7.4	7.7	6.8	9.5				8.4	8.4		8.2	B
17	Trinh Hiep Tai	9.7	8.9	9.7	9.1	9.9				7.7	8.9		9.1	A
18	Diep Ngoc Quoc Thinh	9.4	7.2	6.7	7.8	8.1				7.4	7.7		7.8	C
19	Le Minh Trang	8.7	5.2	5.5	5.4	7.3				6.8	6.3		6.5	C
20	Dao Nguyen Cat Tuong	9.6	7.0	8.9	8.5	9.2				9.3	8.5		8.7	B
21	Hy Phu Vinh	8.7	7.5	7.5	6.7	8.6				8.5	7.2		7.8	C
22	Pham Hoai Phuong	8.5	6.3	6.7	7.3	7.4				5.7	6.8		7	C

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Doan Thi Bich Phuong

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 9

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Luong Thi Ai	8.3	7.6	9.0	7.6	7.5				5.4	7.6		7.6	C
2	Nguyen Huu Minh Anh	10.0	9.6	9.8	9.7	9.2				9.0	9.3		9.5	A
3	Dang Que Anh	8.3	5.8	8.6	7.3	8.5				7.3	6.7		7.5	C
4	Truong Gia Bach	8.5	6.6	8.6	7.0	7.7				6.9	7.6		7.6	C
5	Luu Hoang Chau	8.6	6.4	8.0	7.2	7.5				7.0	7.7		7.5	C
6	Mai Kim Hao	8.7	6.2	8.3	6.7	8.1				5.9	5.2		7	C
7	Tran Huy	8.4	7.7	8.1	6.9	9.1				7.1	6.7		7.7	C
8	Nguyen Hoang Khang	8.0	5.8	6.5	6.3	7.0				5.0	6.2		6.4	D
9	Tran Ngoc Khue	7.9	5.4	6.9	6.8	6.9				6.8	6.3		6.7	C
10	Nguyen Ngoc Tuan Minh	9.5	8.4	8.9	8.1	9.0				7.0	8.9		8.5	B
11	Nguyen Thu Bao Minh	10.0	9.2	9.9	9.7	10.0				9.0	9.7		9.6	A
12	Truong May My	9.2	8.1	9.3	7.4	8.1				6.7	6.9		8	B
13	Ngo Man Nghi	8.4	6.3	8.6	7.6	9.1				7.4	7.3		7.8	C
14	Muon Ngoc Nhan	8.2	6.2	5.4	4.9	6.4				4.9	4.7		5.8	D
15	Luu Vi Phong	8.3	5.4	7.5	7.1	8.5				6.3	6.7		7.1	C
16	Nguyen Minh Quan	8.8	7.3	7.9	7.2	7.6				4.3	6.2		7	C
17	Phan Duc Minh Quan	7.6	5.3	6.5	4.9	7.0				3.3	5.5		5.7	D
18	Du Tan Quang	7.6	5.8	6.8	6.1	7.4				5.1	7.5		6.6	C
19	Ho Vien Thu	8.3	7.8	8.9	7.6	8.4				7.2	8.6		8.1	B
20	Trinh Phuong Thuy	8.7	5.8	6.0	5.7	7.4				4.9	5.4		6.3	D
21	Tran Anh Thy	9.7	7.8	9.5	9.0	9.8				7.0	8.7		8.8	B
22	Huynh Bao Tram	9.3	7.6	9.6	8.8	9.3				8.7	8.6		8.8	B
23	Tran Cat Nhu Y	8.5	5.9	8.0	7.6	8.4				5.8	7.1		7.3	C

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Ho Thi Thanh Sang

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 10

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Bui Minh Anh	8.6	4.8	6.2	5.3	4.6				5.7	4.0		5.6	D
2	Vu Ngoc Tram Anh	6.8	4.2	4.2	4.3	4.1				4.0	5.0		4.7	F
3	Ton Nu Phuong Chi	7.3	4.2	4.1	5.3	3.6				4.8	4.5		4.8	F
4	Tran Minh Hieu	8.2	4.7	5.0	4.4	2.9				3.6	3.7		4.6	F
5	Tran Gia Hoa	8.7	6.4	7.6	7.4	7.6				6.5	7.8		7.4	C
6	Nguyen Hoang Minh Huy	7.5	3.8	4.8	5.5	5.9				4.1	6.6		5.5	D
7	Nguyen Trong Hy	9.7	9.3	9.0	8.4	7.1				5.0	9.7		8.3	B
8	Nguyen Anh Khoi	9.3	8.2	8.6	7.5	8.9				7.4	8.5		8.3	B
9	Le Bao Khoi	8.4	7.4	9.3	8.3	9.9				8.3	8.8		8.6	B
10	Ho Du Khanh Khoi	9.2	7.8	8.9	8.6	9.9				8.3	8.5		8.7	B
11	Nguyen Thi Minh Ngoc	9.1	6.2	8.0	8.2	8.0				8.4	7.6		7.9	C
12	Vo Thien Tri Nhan	9.5	7.4	9.5	8.3	10.0				9.1	9.1		9	A
13	Nguyen Thi Quynh Nhu	8.7	6.6	7.7	6.6	6.4				4.8	5.6		6.6	C
14	Ly Phu	8.7	5.2	7.9	7.5	7.9				7.8	8.0		7.6	C
15	Nguyen Truc Quan	8.6	6.1	8.0	7.5	9.6				8.4	6.9		7.9	C
16	Ly Quy	8.2	6.0	7.6	7.4	8.3				6.0	7.7		7.3	C
17	Nguyen Hoang Anh Thu	7.7	4.3	6.3	5.3	7.3				5.4	4.8		5.9	D
18	Tran Huynh Phuong Tran	8.8	6.2	9.2	8.4	8.5				8.9	7.9		8.3	B
19	Tran Ngoc Bao Tran	8.1	4.8	7.2	7.6	9.7				8.1	7.6		7.6	C
20	Nguyen Le Quynh Trang	8.6	8.0	9.2	8.7	8.2				7.1	7.6		8.2	B
21	Tran Van Trung	8.8	5.5	6.5	5.4	6.7				5.4	5.5		6.3	D
22	Huynh Van Truong	8.5	4.9	8.6	7.1	7.3				5.5	6.6		6.9	C

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Hoang Thi Hue

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 1
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 11

Table with columns: No., Name, Speaking, Listening, Grammar, Reading & Writing, Biology, Geography, Physics, Chemistry, Mathematics, History, Literature, GPA, Ranking. Rows 1-22 list student names and scores.

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Hong Nhi

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung